

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2011 | 2010 |
|--|-------|-------------|-----------------|----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng | 01 | 15 | 195.310.526.560 | 95.097.965.580 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01-02) | 10 | | 195.310.526.560 | 95.097.965.580 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 16 | 45.876.491.778 | 35.520.706.931 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10-11) | 20 | | 149.434.034.782 | 59.577.258.649 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 17 | 20.162.952.686 | 7.403.336.997 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 23.806.097 | 11.052.425 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 772.591.191 | 501.597.387 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 6.971.466.866 | 4.880.129.923 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)} | 30 | | 161.829.123.314 | 61.587.815.911 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 1.610.381.872 | 1.699.051.169 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 2.719.313.978 | 1.156.650.097 |
| 13. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | | (1.108.932.106) | 542.401.072 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40) | 50 | | 160.720.191.208 | 62.130.216.983 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 18 | 11.270.343.179 | 4.571.105.061 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51) | 60 | | 149.449.848.029 | 57.559.111.922 |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 19 | 24.608 | 9.593 |



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

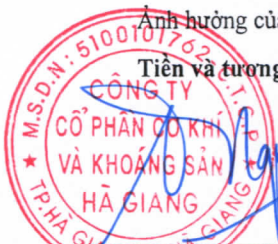
Ngày 08 tháng 02 năm 2012

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2011 | 2010 |
|---|-------|------------------|-------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 160.720.191.208 | 62.130.216.983 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 2.210.667.847 | 1.682.616.077 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | (50.000.000) | 32.517.300 |
| - (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | (2.332.302.655) | (489.371.666) |
| - (Lãi) từ hoạt động đầu tư | 05 | (14.083.335.424) | (5.224.352.874) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 146.465.220.976 | 58.131.625.820 |
| - Giảm các khoản phải thu | 09 | 6.064.019.685 | 11.544.937.696 |
| - (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | (6.211.606.016) | 3.348.844.805 |
| - (Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (8.605.806.423) | (5.782.565.544) |
| - (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 12 | (58.701.666) | 81.812.646 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (842.064.102) | (2.642.562.948) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 1.224.768.979 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (9.053.406.501) | (4.693.877.457) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | 20 | 128.982.424.932 | 59.988.215.018 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (13.029.101.086) | (3.550.546.789) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 81.818.182 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (32.000.000.000) | (113.150.413.119) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 56.410.000.000 | 73.750.413.119 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (4.600.000.000) | - |
| 6. Thu lãi từ tiền gửi và cho vay | 27 | 12.307.389.224 | 4.013.248.951 |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i> | 30 | 19.170.106.320 | (38.937.297.838) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 7.500.000.000 | - |
| 2. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (42.000.000.000) | (12.000.000.000) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | (34.500.000.000) | (12.000.000.000) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i> | 50 | 113.652.531.252 | 9.050.917.180 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 59.883.384.366 | 50.343.095.520 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 2.332.302.655 | 489.371.666 |
| <i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i> | 70 | 175.868.218.273 | 59.883.384.366 |



Trịnh Ngọc Hiếu
 Giám đốc

Đỗ Khắc Hùng
 Kế toán trưởng

Ngày 08 tháng 02 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang
Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang được hợp nhất với Công ty Khai thác Chế biến Khoáng sản Hà Giang thành Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang. Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000027 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 4 số 5100101762 ngày 20 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 63.000.000.000 đồng. Trong đó Nhà nước góp là 29.381.400.000 đồng, chiếm 46,637% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 191 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 193).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tổ chức thăm dò, khai thác và chế biến các loại khoáng sản;
- Sản xuất gia công các mặt hàng cơ khí và xây lắp các công trình điện vừa và nhỏ đến 35kv;
- Tổ chức các dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp, giao thông và xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 21.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

C.T. L. AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân)

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động của liên doanh được thực hiện bằng cách sử dụng tài sản và nguồn lực khác của các bên góp vốn liên doanh mà không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Mỗi bên góp vốn liên doanh tự quản lý và sử dụng tài sản của mình và chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính và các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động. Hợp đồng hợp tác kinh doanh thường quy định căn cứ phân chia doanh thu và khoản chi phí chung phát sinh từ hoạt động liên doanh cho các bên góp vốn liên doanh.

Mỗi bên góp vốn liên doanh phải phản ánh các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát trong báo cáo tài chính của mình, gồm:

- (a) Tài sản do bên góp vốn liên doanh kiểm soát và các khoản nợ phải trả mà họ phải gánh chịu;
- (b) Chi phí phải gánh chịu và doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Ngày 20 tháng 10 năm 2003, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao (Vân Nam - Trung Quốc) về việc hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng khai thác, tuyển luyện Chì - Kẽm tại mỏ Ta Pan Minh Sơn thuộc huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

Theo Giấy phép đầu tư số 01/GP-HG ngày 03 tháng 11 năm 2003, thời gian thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh này là 5 năm (không kể 6 tháng làm đường và kéo điện vào khu vực mỏ), hợp đồng hợp tác kinh doanh này đã kết thúc vào ngày 03 tháng 5 năm 2009. Phía Việt Nam đã góp 324.900 USD, tương đương 5.048.224.341 đồng và chiếm 30% vốn liên doanh; phía Trung Quốc đã góp 758.100 USD, tương đương 11.775.708.336 đồng và chiếm 70% vốn liên doanh. Sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế với Nhà nước Việt Nam, lợi nhuận sẽ được trích Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh. Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ sẽ được chia theo tỷ lệ vốn góp; theo đó, phía Việt Nam sẽ được hưởng 30% và phía Trung Quốc sẽ được hưởng 70%.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao (Trung Quốc) đã hết thời hạn và hai bên đã quyết định chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân theo Biên bản làm việc ngày 04 tháng 8 năm 2009. Theo biên bản làm việc ngày 02 tháng 03 năm 2010 về việc “thanh lý toàn bộ tài sản Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân”, hai bên nhất trí Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao bán lại cho Công ty quyền lợi về tài sản của công ty này tại Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân gồm:

- Phần lợi ích của bên Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao:
 - + Giá trị thanh lý các loại tài sản được chia: Nhà xưởng, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, vật tư, hàng hóa, sản phẩm;
 - + Phần chi phí mà bên Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao ứng trước cho sản xuất tại Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân;
 - + Phần các quỹ được chia: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi.
- Phần nghĩa vụ của bên Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao:
 - + Các khoản chi phí phải trả được chia: phần lỗ lũy kế tại Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân mà Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao phải gánh chịu;
 - + Nợ tiền hàng của Xí nghiệp.

Theo biên bản làm việc ngày 12 tháng 12 năm 2010 với Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao, hai bên nhất trí bù trừ công nợ phải thu, phải trả và phân chia các quỹ. Theo đó, Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang còn phải thu của Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao với số tiền là 2.493.754.252 đồng (theo dõi ở khoản mục phải thu khác - mã số 135 trên báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 đã được kiểm toán).



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang
Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân)

Theo biên bản hợp thanh lý tài sản, vật tư, hàng hóa của Xí Nghiệp Hợp doanh Hà Vân ngày 08 tháng 8 năm 2011, hai bên thống nhất:

- Xác định giá thanh lý của tài sản máy móc thiết bị đã đầu tư tại Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân theo hình thức hai bên tự định giá;
- Thanh lý toàn bộ các loại vật tư, hàng hóa tồn kho của Xí nghiệp hợp doanh Hà Vân theo số liệu kiểm kê tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 với tổng giá trị thanh lý là 3.136.704.165 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Nguyên giá của các loại vật tư, hàng hóa trên là 4.295.313.273 đồng (theo dõi ở khoản mục phải thu khác - mã số 135 trên báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 đã được kiểm toán);
- Thanh lý tài sản của Xí nghiệp là xe ô tô Ford Everest biển kiểm soát 23T-1704 với giá trị thanh lý là 354.545.455 đồng. Nguyên giá của tài sản này là 637.513.027 đồng, khấu hao lũy kế là 637.513.027 đồng (theo dõi ở khoản mục phải thu khác - mã số 135 trên báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 đã được kiểm toán);
- Giao cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được toàn quyền sử dụng khoản tiền ký quỹ môi trường của Mô Chi kẽm để phục vụ hoàn nguyên môi trường sau khi kết thúc khai thác mỏ theo quy định của Nhà nước Việt Nam. Khoản ký quỹ này có số tiền là 360.553.126 đồng (theo dõi ở khoản mục phải thu khác - mã số 135 trên báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 đã được kiểm toán);
- Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao cam kết bán lại toàn bộ tài sản máy móc thiết bị nhà xưởng đã đầu tư góp vốn vào Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang theo giá trị hai bên tự định giá là 5.450.000.000 đồng. Toàn bộ tài sản này đã được bàn giao cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang theo biên bản bàn giao tài sản thanh lý tại ngày 10 tháng 10 năm 2011.

Theo biên bản đối chiếu và bù trừ công nợ tại ngày 30 tháng 9 năm 2011, sau khi bù trừ công nợ giữa các nghiệp vụ thanh lý tài sản, vật tư hàng hóa trên với lỗ của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân phải thu bên Trung Quốc (theo dõi ở khoản mục phải thu khác - mã số 135 trên báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 đã được kiểm toán với số tiền là 2.493.754.252 đồng), xác định số tiền Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang phải trả cho Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao là 2.003.401.191 đồng. Số tiền trên đã được Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang thanh toán cho Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao trong năm 2011.

Ngày 02 tháng 10 năm 2011, Công ty và Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao đã ký thanh lý toàn bộ Hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác và tuyển quặng Chi - Kẽm tại Mô Chi - Kẽm Tà Pan - Minh Sơn - Bắc Mê - Hà Giang.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

010
C
TRÁCI
D
VI
trung